

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Lý Sơn
mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND huyện Lý Sơn tại Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23/7/2012 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 53/SKHĐT-TH ngày 24/7/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Lý Sơn mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng an ninh đến năm 2020, với những nội dung chính sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện đảo; huy động nguồn lực để đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực huyện có thế mạnh là kinh tế thủy sản; du lịch; dịch vụ; xây dựng huyện đảo trở thành tuyến phòng thủ vững chắc, tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền quyền chủ quyền quốc gia vùng biển, đảo của Tổ quốc.

2. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tạo việc làm, đẩy nhanh giảm nghèo, cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó ưu tiên các ngành thủy sản, nuôi trồng, chế biến và du lịch, dịch vụ; chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy nhà nước các cấp.

3. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hoàn thiện và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu; ưu tiên đầu tư cho cấp điện, nước sạch, cầu cảng và hệ thống giao thông đường bộ, sân bay trực thăng, hệ thống thông tin liên lạc và hạ tầng xã

hội; gắn phát triển KT - XH của huyện Lý Sơn với phát triển của khu kinh tế Dung Quất, vùng ven biển của tỉnh và các tỉnh ven biển duyên hải miền Trung.

4. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng quốc phòng an ninh vững chắc; hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng huyện vững mạnh toàn diện về quốc phòng an ninh. Đảm bảo thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân; giữ gìn trật tự an toàn xã hội; có biện pháp quản lý, bảo vệ ngư dân hành nghề trên biển.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu tổng quát:

Huy động mọi nguồn lực xây dựng huyện đảo Lý Sơn phát triển mạnh về kinh tế, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đảm bảo vững chắc về quốc phòng an ninh, bền vững về môi trường, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phát triển kinh tế:

- Đóng góp của huyện vào GTSX của tỉnh tăng từ 1,63% năm 2010 lên 1,9% vào năm 2015 và đạt 2,1% vào năm 2020.

- GTSX bình quân đầu người của huyện (theo giá so sánh năm 1994) đến năm 2015 bằng 90% GTSX bình quân đầu người của tỉnh.

- Giai đoạn 2012-2015, tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân hàng năm đạt mức 16,5%/năm, trong đó: Nông lâm thủy sản đạt 17,8% (ngành thủy sản đạt tốc độ trung bình là 18,6%/năm, nông nghiệp đạt 17,1%/năm); khu vực dịch vụ đạt 13,6%/năm; và công nghiệp, xây dựng đạt 7,3%/năm. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 69,2 triệu đồng/người.

Cơ cấu kinh tế đến năm 2015 như sau: Nông lâm thủy sản chiếm 66,5% (trong đó: Thủy sản chiếm 54,4%, nông nghiệp chiếm: 12,1%), dịch vụ chiếm: 25%, công nghiệp chiếm: 8,5%

- Giai đoạn 2016 - 2020 mức tăng trưởng GTSX đạt khoảng 17,3%/năm, trong đó: ngành nông lâm thủy sản tốc độ trung bình là 13,6%/năm (trong đó: thủy sản đạt tốc độ trung bình là 13,5%/năm, nông nghiệp đạt 13,8%/năm; khu vực dịch vụ đạt 22,0%/năm; và công nghiệp, xây dựng đạt 37,9%/năm.

Đến năm 2020 tổng giá trị sản xuất của huyện chiếm khoảng 2,1% giá trị sản xuất của tỉnh Quảng Ngãi; giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt trên 155 triệu đồng (giá HH).

Cơ cấu kinh tế năm 2020 như sau: Nông lâm thủy sản chiếm 57,9% (trong đó: Thủy sản chiếm 45,6%, nông nghiệp chiếm: 12,3%), dịch vụ chiếm: 30,1%, công nghiệp chiếm: 12,0%

2.2. Phát triển xã hội:

* Giai đoạn 2012-2015:

- Nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 500-1.000 lao động và giải quyết việc làm ổn định cho khoảng 2.500-3.000 lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp, thủy sản; đến năm 2015 lao động trong khu vực nông nghiệp, thủy sản còn khoảng 75%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 20-25%, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động là 95%.

- Phân đầu đến năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học. Tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, giảm tỷ lệ mắc bệnh của nhân dân. Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi xuống dưới 15% vào năm 2015.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống vật thể và phi vật thể; đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao.

* Giai đoạn 2016-2020:

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 1.500-2.000 lao động và giải quyết việc làm ổn định cho khoảng 3.000-3.500 lao động; đến năm 2020 lao động trong khu vực nông nghiệp, thủy sản còn khoảng 55%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 30-35%, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động là 98%.

- Đến năm 2020 hoàn thiện mạng lưới trường học từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT và các trung tâm học tập cộng đồng, có 100% số trường được kiên cố hóa và mỗi cấp có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia; không ngừng nâng cao tay nghề và trình độ giáo viên các cấp.

- Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 10% vào năm 2020. Nâng cao các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, đầu tư xây dựng 01 trung tâm điều trị chất lượng cao.

2.3. Bảo vệ môi trường:

- Môi trường được giữ vững, không còn tình trạng ô nhiễm ở các khu dân cư. Đến năm 2015, 75-90% chất thải được thu gom và xử lý; đến năm 2020 có 100% rác thải, chất thải rắn trong sản xuất và sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng công nghệ.

- Phân đầu xây dựng 01 trạm quan trắc về môi trường; 100% hộ gia đình trong khu dân cư của huyện thực hiện nội quy, cam kết bảo vệ môi trường, tài nguyên; thực hiện các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- 70 - 80% cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn có đầu tư hệ thống xử lý cấp, thoát nước, rác thải và chất thải rắn trước khi ra hệ thống chung.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn và tôn tạo.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn nói riêng và kết cấu hạ tầng nói chung của huyện đảm bảo yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xây dựng, bảo vệ và phát triển khu bảo tồn biển quốc gia Lý Sơn.

2.4. Quốc phòng, an ninh:

- Xây dựng phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng an ninh, từng bước xây dựng khu vực phòng thủ của huyện thành khu vực phòng thủ cơ bản ngày càng vững chắc, sẵn sàng phục vụ trong thời chiến hoặc khi có tình huống xảy ra. Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh trên đảo, bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia vùng biển đảo, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

- Đến năm 2015 có 75% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện về an ninh quốc phòng và đến năm 2020 có 100% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện về quốc phòng an ninh, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 100% chỉ tiêu.

- Đạt 100% chỉ tiêu về tuyển quân hàng năm.

III. Định hướng phát triển ngành, lĩnh vực sản xuất:

1. Định hướng phát triển ngành thủy sản, nông nghiệp:

1.1. Ngành thủy sản:

a. Quan điểm phát triển:

- Xác định thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của huyện; huy động nguồn lực đầu tư khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện đồng thời huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thủy sản, trước hết là các công trình cảng, bến, vũng neo đậu tàu thuyền trú bão và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền và dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở chế biến thủy sản.

- Hình thành đội ngũ lao động thủy sản có tay nghề cao, đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo, học tập các mô hình phát triển thủy sản tiên tiến.

- Thành lập nghiệp đoàn nghề cá, phát triển Hợp tác xã dịch vụ khai thác hải sản xa bờ, hình thành đội tàu khai thác và dịch vụ có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại, đầy đủ, đảm bảo các điều kiện để đánh bắt xa bờ, dài ngày, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

b. Mục tiêu phát triển:

** Giai đoạn 2012-2015:*

Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân đạt 18,6%/năm, đạt GTSX 794,26 tỷ đồng (giá HH) vào năm 2015 và chiếm tỷ trọng là 54,4% trong tổng GTSX toàn huyện, trong đó:

- Đánh bắt tăng 17,1%/năm, đạt GTSX 714, 9 tỷ đồng chiếm 90% tổng GTSX toàn ngành, đạt sản lượng 33.000 tấn; tổng công suất tàu thuyền là: 54.375CV, công suất trung bình mỗi tàu khoảng 108CV.

- Đến năm 2015 nuôi trồng đạt GTSX khoảng 23,8 tỷ đồng (giá HH), chiếm tỷ trọng 3,0% trong tổng GTSX toàn ngành và đạt sản lượng khoảng 10,0 tấn.

- Dịch vụ thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng GTSX là 31,2%, đến năm 2015 tổng GTSX khu vực dịch vụ thủy sản chiếm khoảng 7,0% GTSX toàn ngành và đạt 55, 6 tỷ đồng (Giá HH)

** Giai đoạn 2016-2020:*

Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân đạt 13,5%/năm, đạt GTSX 1.499,01 tỷ đồng (giá HH) vào năm 2020 và chiếm tỷ trọng là 45,6% trong tổng GTSX toàn huyện, trong đó:

- Đánh bắt tăng 9,8%/năm, đạt GTSX 1124,3 tỷ đồng (giá HH) chiếm 75% tổng GTSX toàn ngành, đạt sản lượng 40.000 tấn (có giá trị kinh tế cao), tổng công suất tàu thuyền là: 108.750CV, công suất trung bình mỗi tàu khoảng 217CV.

- Nuôi trồng tăng trưởng bình quân 31,7%/năm, đến năm 2020 đạt GTSX khoảng 104,9 tỷ đồng (giá HH), chiếm tỷ trọng 7,0% trong tổng GTSX toàn ngành và đạt sản lượng khoảng 30 tấn.

- Dịch vụ thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng GTSX là 35,0%, đến năm 2020 tổng GTSX khu vực dịch vụ thủy sản chiếm khoảng 18% GTSX toàn ngành và đạt 269, 8 tỷ đồng (Giá HH).

c. Giải pháp thực hiện:

** Ngành đánh bắt:*

- Phát triển số lượng tàu thuyền theo hướng nâng cao công suất gắn với đầu tư trang thiết bị hiện đại (thiết bị thông tin, đưa dẫn, bảo quản đông lạnh...), ngư lưới cụ tiên tiến để có thời gian đánh bắt dài, đảm bảo được chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ, tập trung vào đánh bắt cá nổi lớn, cá ngừ đại dương, đánh bắt mực tại các vùng biển sâu, vùng khơi, đặc biệt chú trọng các nghề câu, rê khơi và vây rút chì.

- Đưa công tác quản lý tàu thuyền đi vào nề nếp, đảm bảo các tàu thuyền được đăng ký, đăng kiểm đúng quy định; các thuyền trưởng, máy trưởng và thuyền viên được tập huấn đào tạo và cấp bằng; đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trên biển.

- Đến năm 2015 đội tàu khai thác của huyện đạt khoảng 450 chiếc với tổng công suất trên 54.375 CV, đạt sản lượng khai thác khoảng 33.000 tấn. Năm 2020 số lượng tàu đạt 500 chiếc với tổng công suất 108.750 CV/tàu, sản lượng đánh bắt đạt khoảng 40.000 tấn.

- Trong năm 2012-2013, thực hiện thí điểm đóng mới 01 tàu công suất 400CV phục vụ nghề lặn (thực hiện theo Đề án thí điểm hiện đại hóa tàu cá xa bờ tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Tờ trình số 2356/TTr-UBND ngày 18/7/2012 của UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt).

** Ngành nuôi trồng:*

- Giai đoạn từ 2012 đến 2015, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, Viện nghiên cứu, các Trung tâm nuôi trồng thủy sản trong cả nước nghiên cứu tìm mô hình nuôi trồng con đặc sản ở khu vực Vùng triều xã An Hải giáp hòn Mù Cu diện tích khoảng 50ha, vùng bờ đập An Vĩnh. Đẩy mạnh công tác khuyến ngư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên cơ sở quy hoạch hợp lý mặt nước, diện tích có khả năng nuôi trồng theo hướng công nghiệp, bền vững và chú trọng nuôi các sản phẩm đặc sản có giá trị cao.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng cơ sở cho lĩnh vực nuôi trồng như vùng neo đậu bờ đập An Vĩnh, các cơ sở chế biến, vận chuyển...

- Phấn đấu đến năm 2015 sản lượng nuôi đạt khoảng 10 tấn với GTSX khoảng 55,6 tỷ đồng và đến năm 2020 nuôi trồng được khoảng 30 tấn con đặc sản, đạt GTSX khoảng 104,9 tỷ đồng

** Ngành dịch vụ thủy sản*

- Hoàn thành giai đoạn II âu thuyền An Hải trước năm 2015 với khả năng tránh, trú trên 500 tàu thuyền các loại. Nâng cấp cảng cá, chợ cá và các khu dịch vụ hậu cần tại bến âu thuyền để có thể tiếp nhận và lưu trữ các sản phẩm đánh khơi của vùng nhằm ổn định giá xuất khẩu. Tổ chức tốt các dịch vụ trên biển (cung cấp nước ngọt, nước đá, thực phẩm, xăng dầu, cung cấp phụ tùng sửa chữa tàu và mua gom sản phẩm) để ngư dân bám biển dài ngày.

- Xây dựng Khu hậu cần nghề cá ở khu neo đậu tàu thuyền An Hải và hiện đại hóa cảng cá Lý Sơn, xây dựng cảng vận tải Bến Đình, xây dựng các cơ sở dịch vụ (cung cấp xăng dầu, nước đá...).

- Có chính sách ưu đãi hợp lý để kêu gọi các nhà đầu tư, các dự án chế biến thủy sản với công nghệ tiên tiến, giá trị sản xuất cao.

1.2. Ngành trồng trọt:

a. Quan điểm phát triển:

Tập trung phát triển cây hành, tỏi theo hướng sản xuất hàng hóa. Chú trọng áp dụng các công nghệ tiên tiến trong các khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến để tạo ra thương hiệu cho cây hành, tỏi, đồng thời tích cực quảng bá sản phẩm hành tỏi của Lý Sơn trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

b. Mục tiêu phát triển:

- *Giai đoạn 2012-2015*: Phấn đấu đạt tốc độ tăng bình quân GTSX là 17,9%/năm và đạt GTSX là 121,90 tỷ đồng (giá thực tế) vào năm 2015, chiếm tỷ trọng 69% trong tổng GTSX toàn ngành.

- *Giai đoạn 2016-2020*: Phấn đấu đạt tốc độ tăng bình quân GTSX là 10,5%/năm và đạt GTSX là 270,91 tỷ đồng (giá thực tế) vào năm 2020, chiếm tỷ trọng trong tổng GTSX ngành nông nghiệp huyện đảo Lý Sơn là 67%.

c. Giải pháp thực hiện:

Tăng cường công tác nghiên cứu tìm biện pháp thâm canh cây hành tỏi trên cơ sở ứng dụng công nghệ sinh học trong các khâu giống, làm đất và bảo quản, thay thế dần kỹ thuật canh tác truyền thống để vừa đảm bảo được năng suất chất lượng của cây hành, tỏi không ngừng tăng lên, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái.

Chú trọng phát triển các cây trồng truyền thống của huyện như phát triển cây ngô, dưa hấu, cây mè, đậu xanh...trên cơ sở quy hoạch chi tiết, hợp lý đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của nhân dân trên đảo.

1.3. Ngành chăn nuôi:

a. Quan điểm phát triển:

Do hạn chế về điều kiện chăn thả và nguồn thức ăn nên phát triển chăn nuôi của huyện trong giai đoạn 2012-2020 theo hướng tận dụng không gian phát triển nuôi các con đặc sản có giá trị kinh tế cao, giảm dần chăn nuôi gia súc, gia cầm ở hộ gia đình, cung cấp thực phẩm phục vụ cho nhu cầu du lịch và tiêu dùng của nhân dân trên huyện.

b. Mục tiêu phát triển:

- *Giai đoạn 2012-2015*

Phần đầu đạt tốc độ tăng bình quân GTSX là 11,3%/năm và đạt GTSX là 51,2 tỷ đồng (giá thực tế) vào năm 2015, chiếm tỷ trọng trong tổng GTSX ngành nông nghiệp huyện đảo Lý Sơn là 29%.

Phát triển nuôi các con đặc sản (nhông, kỳ đà, các thú hoang dã khác...) sản lượng đạt 5 tấn, duy trì số lượng đàn bò khoảng 500 con, đàn lợn giảm từ 2.514 con năm 2010 xuống còn 2.000 con vào năm 2015. Số lượng đàn gia cầm dự kiến đến năm 2015 đạt khoảng 3.000 con.

- *Giai đoạn 2016-2020*

Phần đầu đạt tốc độ tăng bình quân GTSX là 21,3%/năm và đạt GTSX là 121,30 tỷ đồng (giá thực tế) vào năm 2020, chiếm tỷ trọng trong tổng GTSX ngành nông nghiệp huyện đảo Lý Sơn là 30%.

Đến năm 2020: Sản lượng nuôi các con đặc sản đạt 50 tấn, giảm hoàn toàn số lượng đàn bò; đàn lợn; đàn gia cầm.

c. Giải pháp thực hiện:

- Nghiên cứu lựa chọn các vật nuôi có giá trị kinh tế cao chọn mô hình thí nghiệm và nhân rộng trong nhân dân, ưu tiên các nguồn vốn như hỗ trợ, cho vay... để tạo điều kiện cho nhân dân có vốn phát triển.

- Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, sản lượng chăn nuôi theo kiểu trang trại gia đình kết hợp với mở rộng thị trường tiêu thụ tạo đầu ra ổn định.

- Tuyên truyền nhân dân hạn chế dần việc chăn nuôi bò, lợn, gia cầm trong hộ gia đình để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

1.4. Định hướng phát triển lâm nghiệp, phủ xanh đất trống đồi núi trọc:

Đất lâm nghiệp, theo quy hoạch hiện có khoảng 166ha dùng cho việc phát triển lâm nghiệp, chiếm khoảng 16% tổng diện tích của huyện, ngoài ra còn có 27ha đất đồi núi chưa sử dụng và 79ha đất núi đá không có rừng cây có thể phục vụ cho việc trồng cây gây ra. Hiện nay, đất rừng phòng hộ trên đảo là 3,63%. Để tăng diện tích trồng rừng trên đảo, tỉnh đã hoàn chỉnh dự án trồng 130ha rừng tại huyện Lý Sơn

bằng nguồn vốn Trung ương, dự kiến trồng thêm 106ha đồi trọc đến năm 2020 độ che phủ rừng đạt khoảng 26,5% diện tích đảo.

2. Định hướng phát triển ngành du lịch, dịch vụ và thương mại:

2.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển:

- Phát triển ngành dịch vụ, du lịch, thương mại tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế của huyện, khơi dậy và phát huy tiềm năng, nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại; trong đó xác định phát triển dịch vụ, du lịch là khâu đột phá kinh tế quan trọng đứng thứ hai sau ngành thủy sản.

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ gắn với phát triển thị trấn Lý Sơn.

Giai đoạn 2012-2015:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thương mại đạt 7,4%/năm. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá đến năm 2015 đạt 227,45 tỷ đồng.

- Các ngành kinh doanh dịch vụ khác (vận chuyển, bưu chính, ngân hàng,...) đạt tốc độ tăng trưởng 20,1%/năm, doanh thu đến năm 2015 đạt khoảng 94, 9 tỷ đồng.

- Ngành du lịch bước đầu thu hút khoảng 20.000 du khách đến tham quan du lịch vào năm 2015 và đạt doanh thu khoảng 25, 6 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thương mại đạt 21,2%/năm. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá đến năm 2020 đạt 455,75 tỷ đồng.

- Ngành du lịch tăng trưởng với mức bình quân 46,4%/năm, thu hút khoảng 50.000 du khách đến tham quan du lịch vào năm 2020, doanh thu đạt 267, 2 tỷ đồng.

- Các ngành kinh doanh dịch vụ khác đạt tốc độ tăng trưởng 10,4%/năm, doanh thu đến năm 2020 đạt khoảng 257, 3 tỷ đồng.

2.2. Giải pháp phát triển ngành du lịch

- Đẩy nhanh đầu tư phát triển du lịch trở thành khâu đột phá quan trọng của huyện, góp phần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng thủy sản - dịch vụ và là ngành kinh tế chủ đạo của huyện sau năm 2020.

- Phát triển nhanh và bền vững du lịch tại đảo, gắn kết với các Trung tâm đô thị của tỉnh như thành phố Vạn Tường, Khu kinh tế Dung Quất, thành phố Quảng Ngãi ..., các khu du lịch như KDL Mỹ Khê, KDL Sa Huỳnh, KDL Thiên Đường, tập trung đầu tư phát triển du lịch Lý Sơn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Coi phát triển du lịch là hướng trọng điểm mang tính đột phá trong phát triển kinh tế đảo Lý Sơn trong những năm tới.

- Xuất phát từ những điều kiện do thiên nhiên ưu đãi, ngành du lịch của huyện tập trung vào hướng phát triển các thể mạnh sau: Du lịch văn hóa tâm linh, điểm nhấn là lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa và các quần thể di tích trên đảo như: Chùa hang, bộ xương cá voi, đình làng An Hải, quần thể nhà gỗ,... Du lịch sinh thái biển, điểm nhấn

là khu bảo tồn biển Lý Sơn với diện tích 7.925 ha với các dịch vụ như: lặn biển, lướt sóng, khám phá bờ biển đảo lớn và đảo bé,... Du lịch nghỉ dưỡng tại các xã An Hải, An Vĩnh Và An Bình với các khu nghỉ dưỡng như: Hang câu An Hải , Giếng tiền An Vĩnh, phía bắc đảo bé xã An Bình.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch; đồng thời quy hoạch xây dựng các khu du lịch trọng điểm trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành du lịch.

- Tập trung vào việc xây dựng và phát triển các cơ sở thương mại dịch vụ tại khu vực trung tâm huyện, trở thành đầu mối tổ chức các hoạt động buôn bán, lưu thông hàng hoá, đồng thời cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư nâng cấp, xây mới hệ thống khách sạn và các công trình dịch vụ như tổ hợp thể thao, khu hội thảo, hội nghị, nghỉ dưỡng, chữa bệnh... Trong thời gian tới, đầu tư 1 đến 2 khách sạn ở khu vực trung tâm huyện.

- Hình thành các tour du lịch từ đất liền ra đảo đến các địa danh chùa Hang, công Tò Vò, Hang Câu ở đảo Lớn, hòn Đụn ở đảo Bé... hoặc kết hợp nối các tour du lịch trên địa bàn tỉnh mà điểm đến cuối cùng là đảo Lý Sơn.

- Các tuyến du lịch: Du lịch văn hóa như tham quan các di tích lịch sử văn hóa: Chùa Hang, chùa Đục, Nhà trưng bày di tích Hải đội Hoàng Sa Bắc Hải, các di tích liên quan đến đền thờ cá ông,... các điểm thắng cảnh của đảo bao gồm: Núi Giếng tiền, núi Hòn Sỏi, núi Hòn Vung, núi Thới Lới, suối Chình, hang Câu,... các bãi san hô để tổ chức hoạt động lặn biển, thám hiểm biển và các dịch vụ vui chơi trên biển.

- Định hướng sản phẩm du lịch:

Đề đa dạng các hình thức du lịch trên đảo nhằm thu hút khách trong và ngoài nước đến tham quan, vui chơi, giải trí cần phải quy hoạch các khu vực dành cho du lịch như:

- Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên đảo Lý Sơn
- Khu du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh theo mô hình Resort;
- Xây dựng khu dịch vụ du lịch cao cấp tại đảo Bé;
- Khu Du lịch biển tổng hợp;
- Khu du lịch tắm biển và các dịch vụ;
- Tắm biển, lặn biển, các trò chơi trên biển...

2.3. Giải pháp phát triển ngành thương mại, dịch vụ:

- Phát triển thương mại huyện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội, thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của huyện đảo Lý Sơn nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung.

- Phấn đấu phát triển thương mại theo hướng hiện đại và văn minh, phát triển các hình thức thương mại dịch vụ tiên tiến (siêu thị...) tại khu vực trung tâm huyện, đồng thời chú trọng đầu tư nâng cấp các chợ tại trung tâm các xã khang trang, sạch đẹp.

Giai đoạn 2012-2015, hoàn thiện tất cả các chợ hiện có, tiến tới nâng cấp khang trang, hiện đại

Giai đoạn 2016-2020 phấn đấu toàn huyện có 01 siêu thị hiện đại, phục vụ cho nhu cầu của nhân dân và du khách

- Phối hợp với các Sở, ngành trong việc tiếp nhận thông tin về thị trường hàng hoá trong và ngoài nước để cung cấp cho các cơ quan quản lý và doanh nghiệp định hướng sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ thương mại.

- Huy động mọi nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển thương mại, dịch vụ. Có các chính sách hỗ trợ trực tiếp trong quá trình phát triển các cơ sở vật chất thương mại như: Xây dựng chợ, xây dựng siêu thị...

- Tiếp tục đổi mới phương thức kinh doanh theo hướng văn minh, hiện đại phù hợp xu thế phát triển của huyện, của tỉnh và đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho ngành thương mại, dịch vụ: Nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thương mại, du lịch. Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ: Xuất nhập khẩu, marketing,...

- Tăng cường quản lý thị trường, phối hợp với các cấp, các ngành chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép nhằm làm lành mạnh và ổn định thị trường góp phần thúc đẩy sản xuất và kinh doanh phát triển.

- Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng các loại hình dịch vụ như: xây dựng cảng vận tải Bến Đình, mạng lưới bus chính viễn thông, hình thành tuyến xe buýt nội huyện và đến các điểm du lịch, hiện đại hóa các phương tiện vận tải biển (tàu cao tốc..), mở rộng các dịch vụ thủy sản, mở rộng cảng Lý Sơn, hình thành tuyến vận chuyển Lý Sơn - Mỹ Á và Lý Sơn - Dung Quất.

3. Định hướng phát triển công nghiệp, TTCN:

3.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển:

Phát triển công nghiệp, xây dựng và tiểu thủ công nghiệp theo hướng gắn với việc đầu tư của Trung ương, tỉnh, nhất là ngành điện, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội...đầu tư hạ tầng cho Cụm công nghiệp An Hải có quy mô khoảng 4 ha phục vụ chế biến hải sản, công nghiệp cơ khí sửa chữa tàu thuyền. Đồng thời phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống của huyện như mộc dân dụng tạo các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ nhu cầu của du khách và nhu cầu sử dụng của nhân dân trong huyện. Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản phục vụ ngành thủy sản và hậu cần nghề cá cũng như các ngành công nghiệp phụ trợ cho phát triển dịch vụ kinh tế biển.

Kêu gọi và khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp, xây dựng và tiểu thủ công nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến bảo quản phục vụ ngành thủy sản và hậu cần nghề cá, công nghiệp sửa chữa tàu thuyền, phát triển dịch vụ kinh tế biển, chế biến hành tỏi.

3.2. Giải pháp phát triển:

- Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách thông thoáng để khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư tại huyện đảo.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng như điện, nước, cảng, giao thông, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp, TTCN và thu hút các nhà đầu tư.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội, mọi thành phần kinh tế, ưu đãi về các nguồn vốn vay để tập trung phát triển công nghiệp, TTCN.

IV. Định hướng phát triển lĩnh vực xã hội:

1. Dân số, lao động, việc làm:

1.1. Dân số:

- Các chỉ tiêu về dân số: Giảm mức sinh bình quân hằng năm 0,2%, đến năm 2015 tăng dân số tự nhiên 1,02%, đến năm 2020 tăng dân số tự nhiên 0,8%. Hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020.

- Thực hiện tốt chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về thực hiện qui mô gia đình từ 1 đến 2 con, hạ thấp tỷ lệ sinh con thứ 3 ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo nhân dân được tiếp cận hưởng thụ các dịch vụ y tế chất lượng cao, tăng cường nhân lực, trang thiết bị y tế theo công nghệ mới, làm tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chống dịch bệnh.

1.2. Lao động việc làm:

- Các chỉ tiêu về lao động việc làm:

Giai đoạn 2012 – 2015 số lao động được giải quyết việc làm từ 500 đến 1.000 người trên năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo 20 – 25%; giai đoạn 2016 – 2020 số lao động được giải quyết việc làm từ 1.500 đến 2.000 người trên năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo 30 – 35%.

- Nhu cầu lao động trong các ngành lĩnh vực:

Cơ cấu lao động:

+ Nông lâm ngư nghiệp: giai đoạn 2012 – 2015 là 75% giai đoạn 2016 – 2020 là 55%.

+ Công nghiệp - xây dựng: giai đoạn 2012 – 2015 là 5% giai đoạn 2016 – 2020 là 15%.

+ Dịch vụ: giai đoạn 2012 – 2015 là 20% giai đoạn 2016 – 2020 là 30%.

- Giải pháp đào tạo và giải quyết việc làm:

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về vấn đề lao động - việc làm. Coi trọng công tác đào tạo, dạy nghề, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Thực hiện xã hội hóa công tác dạy nghề. Phát triển nghề và làng nghề. Đầu tư xây dựng, phát triển thêm một số cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề tạo điều kiện phân bố lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn, giảm số hộ thuần nông, có chính sách trọng dụng và thu hút nhân tài, vốn đầu tư, khoa học - công nghệ; chính sách khuyến nông, khuyến công. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người lao động được đào tạo lại, học nghề mới, tự tìm kiếm việc làm.

2. Phát triển nguồn nhân lực:

2.1. Định hướng phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình giải quyết việc làm, tập trung chỉ đạo giải quyết việc làm cho người lao động theo hướng tạo việc làm tại chỗ đồng thời có khả năng cung cấp lao động cho Khu kinh tế Dung Quất.

- Tập trung đầu tư mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, dạy nghề để tăng khả năng tự tạo việc làm cho người lao động.

- Quan tâm đào tạo lao động có trình độ tay nghề và hỗ trợ học nghề cho người lao động, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động.

2.2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Huyện tạo điều kiện để thu hút, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn.

- Xây dựng chương trình giáo dục cho huyện để thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí. Đầu tư tương xứng cho giáo dục - đào tạo. Nâng tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo.

- Xây dựng đề án việc làm, gắn đào tạo với giải quyết việc làm phân bố lại lao động giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề trên địa bàn huyện, phối hợp với các trường, cơ sở dạy nghề trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các Trường Đại học và Cao đẳng với các hình thức đào tạo liên kết, tại chức, từ xa vv... để đào tạo nghề cho lao động của huyện. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp làm ăn trên địa bàn huyện tự tổ chức đào tạo dài hạn nhân công lao động.

- Xây dựng và mở rộng các trường, cơ sở đào tạo, mở rộng các ngành nghề mới, chú ý đến đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy nghề, nhằm nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo đi đôi với việc liên kết, thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao về giảng dạy.

3. Giáo dục và đào tạo:

3.1. Mục tiêu và các chỉ tiêu:

Phấn đấu đến năm 2020 mạng lưới trường học của huyện có: 03 trường Mầm non, 04 trường tiểu học, 01 trường tiểu học -THCS; 03 trường THCS; 01 trường

THPT và 01 Trung tâm GDTX - hướng nghiệp, dạy nghề và 03 Trung tâm học tập cộng đồng.

- *Ngành học Mầm non*

Đến năm 2015 huy động 30-40% cháu vào nhà trẻ, 50% cháu vào mẫu giáo và đến năm 2020: 85% cháu vào nhà trẻ, 100% cháu vào mẫu giáo. Hàng năm dành 10% tổng chi ngân sách giáo dục cho giáo dục mầm non, đầu tư xây dựng trường mầm non theo yêu cầu trường chuẩn, xóa phòng học tạm, học nhờ, trang bị đủ đồng bộ đồ chơi đồ dùng học tập.

Phấn đấu đến năm 2020 có 100% trường đạt chuẩn quốc gia, 100% trường mầm non có phòng học kiên cố. Phấn đấu 100% xã có diện tích đất quy hoạch cho mầm non theo quy định, có chính sách đầu tư thoả đáng cho ngành học mầm non.

Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng chuẩn cho CB -GV đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học đạt trường chuẩn quốc gia.

- *Ngành học phổ thông*

* **Bậc Tiểu học:** Giai đoạn 2012-2020 phấn đấu nâng cao chất lượng cải cách giáo dục, không còn giáo viên bất cập với chương trình cải cách. 100% số học sinh được học ngoại ngữ, tin học. Phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia và 100% trường được kiên cố hoá, các xã đều có quy hoạch đất cho trường theo đúng quy định của Nhà nước. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, dụng cụ dạy học, giáo dục thể chất, phấn đấu 100% trường đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp.

Đến năm 2020 xây dựng 01 trường tiểu học với diện tích khoảng 8.000 m² tại Thị trấn huyện, quy mô 15 lớp khoảng 450 học sinh đạt chuẩn quốc gia.

* **Bậc Trung học cơ sở:** Nâng cao chất lượng giáo dục, 100% các phòng bộ môn được trang bị đầy đủ và có hiệu quả cao trong học tập, 100% trường đủ phòng học bộ môn, đủ phòng làm việc, phòng sinh hoạt bộ môn, 100% trường được kiên cố hoá và 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

* **Bậc Trung học phổ thông:** Phấn đấu đến năm 2020 thu hút hầu hết thanh niên vào học, đảm bảo phổ cập cấp học này vào năm 2015. Thực hiện lồng ghép giáo dục nghề phổ thông, tin học, bảo vệ thực vật, thú y...

* **Đối với giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp dạy nghề:** Duy trì và giữ vững phổ cập các cấp, tiếp tục củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng. Xây dựng 01 Trung tâm dạy nghề và GDTX phát triển mạnh các hình thức học, mở rộng dạy nghề, liên kết với các trường đại học trong khu vực mở ngay tại huyện các chương trình đào tạo nghề cho người lao động, phấn đấu đến năm 2020 có 40% lao động qua đào tạo, trong đó 50% qua đào tạo nghề.

3.2. Giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo:

- Phát huy mọi nguồn lực đáp ứng cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, đẩy mạnh công tác xã hội hoá, hiện đại hoá sự nghiệp giáo dục. Tạo điều kiện thuận lợi cho lao động được học nghề nhất, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia dạy nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động sau đào tạo tìm được việc làm.

- Có cơ chế hỗ trợ tạo điều kiện cho các trung tâm, trường dạy nghề mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo. Tích cực liên danh, liên kết với các trường đại học lớn trong vùng để đào tạo nhân lực tại chỗ cho huyện, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp làm ăn trên địa bàn huyện tự tổ chức đào tạo dài hạn nhân công lao động.

- Về hạ tầng giáo dục:

* Đối với các trường Mầm non:

Đầu tư xây mới 12 phòng học của 02 trường mầm non An Vĩnh và An Hải thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2 của Chính phủ. Đồng thời tiến hành xây dựng trường mầm non tại xã An Bình

- Xây dựng phòng học và phòng chức năng cho các trường mầm non: Trường mầm non huyện: 04 phòng học và 02 phòng chức năng (giai đoạn II); Trường mầm non An Vĩnh: 04 phòng học, 01 nhà hiệu bộ và 04 phòng chức năng; Trường mầm non An Hải: 01 nhà hiệu bộ và 04 phòng chức năng

Giai đoạn sau 2020 thành lập thêm 02 trường mầm non: Trường mầm non số II An Vĩnh trên cơ sở vật chất và học sinh thuộc địa phận thôn Tây của trường mầm non An Vĩnh. Xây dựng thêm cho trường 04 phòng học, 01 nhà hiệu bộ, 04 phòng chức năng; Trường mầm non số II An Hải trên cơ sở tách cơ sở vật chất và học sinh thuộc địa bàn thôn Đông của trường mầm non An Hải. Xây dựng thêm cho trường 04 phòng học, 01 nhà hiệu bộ, 04 phòng chức năng.

* Đối với các trường tiểu học: Trường tiểu học An Vĩnh I: đầu tư thay thế 10 phòng học đã xuống cấp, xây dựng nhà hiệu bộ và 06 phòng chức năng. Điều chỉnh mở rộng mặt bằng 4000m² về phía sân vận động xã An Vĩnh và thanh lý điểm trường cạnh đình làng An Vĩnh đã xuống cấp, Trường tiểu học An Vĩnh II: đầu tư xây mới nhà hiệu bộ và 06 phòng chức năng và kiên cố hóa lại 10 phòng học nhà cấp 4, Trường tiểu học An Hải: quy hoạch lại còn 3 điểm trường: điểm trường chính, điểm trường WB và điểm trường Đồng Hộ. Chuyển đổi và mở rộng điểm trường chính đảm bảo đủ 10.000 m². Đầu tư thay thế 10 phòng học đã xuống cấp, xây dựng mới nhà hiệu bộ và 06 phòng chức năng; từng bước thanh lý điểm trường 5 lớp và điểm trường cạnh đình làng An Hải.

* Các trường Trung học cơ sở: Trường THCS An Vĩnh: Xây mới nhà hiệu bộ; 06 phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành. Trường THCS An Hải: Xây mới nhà hiệu bộ; 06 phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành.

* Trường THPT Lý Sơn: xây mới 06 phòng chức năng, 01 phòng tập đa năng và 01 hội trường.

* Xây dựng 01 Trung tâm GDTX, dạy nghề, hướng nghiệp tại khu vực Thị trấn Lý Sơn

* Các trung tâm học tập cộng đồng: 03 trung tâm ở xã An Vĩnh, An Hải và thị trấn huyện lỵ. Mỗi trung tâm đảm bảo 01 phòng làm việc và 01 phòng đọc sách, tọa đàm trao đổi kiến thức, kinh nghiệm sản xuất.

4. Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân:

4.1. Mục tiêu phát triển và các chỉ tiêu phát triển y tế:

Phấn đấu để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe một cách tốt nhất, các dịch vụ y tế gần với nhân dân, người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Mọi người sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, giảm tỷ lệ mắc bệnh.

4.2. Giải pháp phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc và trang thiết bị y tế thiết yếu cho các hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhất là tuyến y tế xã, thị trấn. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở các tuyến y tế, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã có đủ 12 phòng theo mô hình chuẩn quốc gia, 100% xã đạt chuẩn quốc gia y tế. Năm 2015 có các hoạt động về chuyên khoa sơ bộ như: răng hàm mặt, tai mũi họng, khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; năm 2020 có 80% trạm y tế xã có hoạt động cận lâm sàng như: xét nghiệm công thức máu, xét nghiệm ký sinh trùng. củng cố hệ thống y tế trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020

- Sớm xây dựng hoàn chỉnh trụ sở làm việc của Trung tâm y tế dự phòng huyện. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá y tế tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khám chữa bệnh, xây dựng Bệnh viện, phòng khám đa khoa ngoài công lập. Tăng cường đầu tư cho đội ngũ cán bộ nhân viên y tế, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ thầy thuốc các tuyến đủ sức đảm đương nhiệm vụ theo yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

5. Văn hóa thông tin, thể dục, thể thao:

5.1. Văn hóa, thông tin:

Phấn đấu đến năm 2020: 85% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 70% thôn, làng văn hoá; 95% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá; 100% Nhà văn hoá xã, thị trấn được xây dựng đúng quy định, được trang bị đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động; 100% thôn có Nhà văn hoá, trong đó 70% xây dựng mới theo chuẩn do dân đóng góp; 100% di tích đã xếp hạng được tu bổ, tôn tạo bằng 2 nguồn vốn chính của Nhà nước và nhân dân đóng góp. Phát triển mạnh lễ hội gắn với du lịch di tích văn hoá và sinh thái. Hoàn chỉnh và nâng cấp đài phát thanh huyện, phấn đấu thời lượng phát sóng 23 nghìn phút /năm, hướng tới xây dựng đài truyền hình huyện đảo Lý Sơn. Phấn đấu xây dựng truyền thanh không dây, đảm bảo chất lượng cao.

5.2. Thể dục, thể thao:

Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, phát huy lợi thế, nội lực, khai thác tốt tiềm năng huy động sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh công tác xã hội hoá, tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện sự nghiệp TDTT của huyện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo

giương Bác Hồ vĩ đại; đưa sự nghiệp thể thao huyện Lý Sơn đáp ứng yêu cầu quần chúng nhân dân và tương xứng với sự phát triển mạnh của kinh tế - xã hội.

6. Công tác giảm nghèo và các chính sách xã hội:

6.1. Các chỉ tiêu giảm nghèo:

- Hạ tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống còn 20% (theo chuẩn hiện hành), đến năm 2020 còn 15%.

6.2. Giải pháp thực hiện:

- Thực hiện tốt chính sách phát triển các loại hình doanh nghiệp, mở rộng và phát triển các ngành nghề để tạo ra nhiều việc làm, vận động người trong độ tuổi lao động tham gia xuất khẩu lao động, chú trọng và nâng cao công tác dạy nghề tại chỗ để tăng khả năng tự tạo việc làm cho người lao động.

V. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng:

1. Hệ thống giao thông:

1.1. Giao thông đường bộ:

- Giai đoạn 2012 – 2015: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông khu Trung tâm huyện lỵ và đường cơ động xung quanh đảo Lớn, đảo bé kết hợp với kè biển; đề biển theo quy hoạch đã được duyệt: Đường chính Khu trung tâm: Tổng chiều dài 2,3 km, mặt đường từ 8 m đến 24 m bằng BT nhựa; các tuyến đề kết hợp đường cơ động dài 5,4 km; đường khu vực: Tổng chiều dài 1,360 km, mặt đường từ 12 m bằng BT nhựa; đường nhánh: Tổng chiều dài 3,68 km, mặt đường từ 10,5 m, bằng BT nhựa; đường cơ động kết hợp kè biển đảo Bé dài 3 km;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường trên đảo Lớn và đảo Bé (các tuyến đường còn lại ngoài Trung tâm huyện lỵ) theo quy hoạch giao thông đã được phê duyệt của huyện Lý Sơn giai đoạn từ 2011 - 2020, cụ thể: Tổng chiều dài khoảng 35 km, mặt cắt đường từ 5,5 đến 7,5; trong đó có 15 km đường đầu tư mới và 15 km đường cải tạo, nâng cấp; Đường cơ động kết hợp kè biển đảo Lớn dài 5 km;

1.2. Cảng biển, bến xe, bến tàu:

Để phục vụ cho việc giao thông bằng đường biển của đảo phục vụ cho việc đi lại của nhân dân và khách tham quan du lịch nhu cầu đầu tư từ nay đến năm 2020 như: xây dựng Cảng Bến Đình hoàn chỉnh theo quy hoạch với quy mô nhận tàu hàng 1.000 DWT và tàu khách rẽ nước 500T; nâng cấp, mở rộng cảng Lý Sơn hiện tại; nâng cấp mở rộng Vũng neo đậu tàu thuyền và khu dịch vụ hậu cần nghề cá đảo Lý Sơn (giai đoạn II) bằng nguồn vốn hỗ trợ của TW có công suất cho 800 tàu neo đậu có công suất 500CV;

1.3. Cảng hàng không:

Giai đoạn sau 2020 nghiên cứu khôi phục sân bay Lý Sơn phục vụ các loại máy bay trực thăng đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và du khách.

1.4. Phát triển vận tải:

a. Vận tải thủy nội địa:

Phát triển đội tàu cao tốc, tàu vận tải phục vụ vận chuyển hàng hóa, đi lại cho nhân dân và khách tham quan du lịch bằng hình thức kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư để đầu tư mới 02 chiếc tàu cao tốc 200 chỗ ngồi (đến năm 2015 thêm 01 chiếc và năm 2020 thêm 01 chiếc).

b. Vận tải đường bộ:

Phát triển đội xe vận chuyển hàng hóa, xây dựng tuyến xe buýt trên đảo năm 2015 nhằm phục vụ tốt cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện..

2. Hệ thống điện:

Hệ thống điện sinh hoạt, điện công nghiệp, điện chiếu sáng: Được đầu tư đồng bộ với tuyến đường giao thông theo quy hoạch được duyệt đối với các tuyến đường nằm trong Trung tâm huyện lỵ và các đường xung quanh đảo;

2.1. Nguồn cung cấp điện:

- Giai đoạn 2012 - 2015: Nâng cấp nhà máy phát điện điêzen hiện nay tại đảo lớn; xây dựng nhà máy nhiệt điện phục vụ cho đảo Bé với công suất 0,1MW, nghiên cứu thực hiện dự án điện gió, năng lượng mặt trời.

- Giai đoạn 2016 – 2020 và sau năm 2020: Đầu tư xây dựng Hệ thống cáp điện 110 KV kéo từ đất liền ra đảo, với chiều dài 18 km, điện gió, nâng cấp, cải tạo hoàn chỉnh mạng lưới cáp điện trên toàn huyện theo hướng hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu phát triển KT - XH của huyện.

2.2. Quản lý vận hành:

Đến 2015 quản lý vận hành nguồn điện tại đảo lớn và đảo bé chuyển 100% cho điện lực quản lý vận hành.

Phân đấu giai đoạn 2016 – 2020 đảm bảo cấp điện đủ và an toàn đến các hộ dân, cơ sở sản xuất, tỷ lệ hao hụt đạt dưới 10%.

3. Hệ thống cấp nước và thoát nước:

3.1. Cấp nước:

Xây dựng Nhà máy cung cấp nước sạch cho đảo Lớn với công suất 1.000 m³/ngày, đèm với nguồn nước từ các hồ chứa nước và các giếng ngầm trên đảo, đảo bé xây dựng nhà máy khử nước biển công suất 100m³/ ngày đèm.

Tiến hành xây dựng và quản lý vận hành một số dự án quan trọng phục vụ cho nông nghiệp, dân sinh và nước sinh hoạt như: Hồ chứa nước Thới Lới có dung tích 270.000 m³ đảm bảo tưới cho 60 ha đất nông nghiệp, cấp nước sạch cho 1.000 dân (100m³/ngày, đèm) và cung cấp nước cho 300 tàu thuyền; Hồ chứa nước Giếng tiền có dung tích 80.000 m³ cung cấp nước sinh hoạt cho 2.000 dân (200m³/ngày, đèm), một số HCN có quy mô nhỏ như: Gò Cỏ May, HCN Miếu Tam Nông, HCN đảo Bé chủ yếu phục vụ tưới cục bộ cho đất nông nghiệp.

3.2. Thoát nước:

Hệ thống thoát nước mặt và nước thải được bố trí song song với các tuyến đường giao thông theo quy hoạch và được thu gom xử lý trước khi thải ra biển. Việc

tiến hành xây dựng các tuyến đường kết hợp với việc thi công các tuyến thoát nước trên toàn đảo.

Nâng cấp cải tạo hệ thống thoát nước kênh nội đồng để kịp thời giải quyết chống ngập úng cho đồng ruộng và các khu dân cư trên đảo.

4. Công trình ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng:

4.1. Hồ chứa nước:

Xây dựng các hồ chứa nước như: Hồ chứa nước Thới Lới có dung tích 270.000 m³ đảm bảo tưới cho 60 ha đất nông nghiệp, cấp nước sạch cho 1.000 dân (100m³/ngày,đêm) và cung cấp nước cho 300 tàu thuyền; Hồ chứa nước Giếng tiền có dung tích 80.000 m³ cung cấp nước sinh hoạt cho 2.000 dân (200m³/ngày, đêm), một số HCN có quy mô nhỏ như: Gò Cỏ May, HCN Miếu Tam Nông, HCN đảo Bé chủ yếu phục vụ tưới cục bộ cho đất nông nghiệp.

4.2. Hệ thống đê kè:

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đê kè kết hợp đường giao thông bao quanh đảo lớn, đảo bé gồm: Kè phía Đông Nam đảo dài 5,6 km, các tuyến đê huyện đảo Lý Sơn dài 5,4 km, kè quanh đảo bé dài 3 km. Hoàn chỉnh hệ thống đê biển thuộc khu neo trú tàu thuyền An Hải dài khoảng 1,3 km.

4.3. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng:

Nhằm ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng cần tuyên truyền rộng rãi, nâng cao nhận thức của nhân dân trên đảo tham gia tích cực vào công tác xây dựng và bảo vệ các công trình xây dựng, không đào lấy các sản xuất ven bờ biển, tích cực trồng và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường biển... hướng dẫn người dân cách thích ứng với việc biến đổi khí hậu để kịp thời ứng phó.

5. Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin:

Phát triển thêm các đại lý bưu điện tại khu vực âu thuyền hòn Mù Cu, các điểm du lịch trên đảo; xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông có công nghệ hiện đại; hình thành các mạng lưới có chất lượng dịch vụ cao, cung cấp đa dịch vụ và hoạt động có hiệu quả; phát triển thêm các dịch vụ mới như dịch vụ trả lương hưu, dịch vụ thanh toán, dịch vụ nhờ thu, phát cho các danh nghiệp cung ứng dịch vụ, dịch vụ đại lý viễn thông; các dịch vụ bưu chính lai ghép...; đầu tư xây dựng tuyến cáp quang từ bưu điện Trung tâm huyện đến các xã và cụm điểm dân cư đáp ứng các dịch vụ cao cấp khi điều kiện cho phép; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin trong mọi mặt đời sống xã hội; triển khai kết nối Internet băng thông rộng; đảm bảo các cơ quan và trụ sở xã được trang bị hệ thống máy tính, kết nối Internet.

VI. Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ:

1. Định hướng phát triển khu vực trung tâm huyện

Xây dựng và phát triển đô thị khang trang, hiện đại trên cơ sở hệ thống hạ tầng hoàn thiện, môi trường xanh, sạch, cảnh quan đẹp ...trở thành trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội toàn huyện.

Phát triển đô thị gắn với phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và môi trường bền vững. Gắn kết việc quy hoạch phát triển đô thị với chương trình xây dựng Nông thôn mới để bố trí sắp xếp các khu vực dân cư hợp lý

Đến năm 2015 Trung tâm huyện lỵ Lý Sơn cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại V và trở thành thị trấn với các tiêu chuẩn sau:

- Chức năng: trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong tổng số lao động đạt 60%; quy mô dân số trên 5.000 - 6.000 dân.

- Bố trí hợp lý các khu chức năng tạo nên cảnh quan đẹp trên cơ sở kết hợp hài hòa điều kiện địa hình thực tế khu vực như bờ biển phía Nam, núi Hòn Vung cùng các điểm di tích văn hóa như giếng Xó La, giếng Tam Tòa...

- Có kiến trúc hiện đại đồng thời đảm bảo được việc chống lại gió bão và khả năng ảnh hưởng của nước biển.

Bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu hành chính: Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các công trình giáo dục, y tế, bảo tàng, quảng trường, công viên, nhà văn hóa;

- Khu thương mại - dịch vụ: Hệ thống siêu thị, các chợ truyền thống và các công trình phục vụ cho khách tham quan, du lịch;

- Khu dịch vụ tài chính - ngân hàng;

- Làng nghề sản xuất các mặt hàng truyền thống, hàng mỹ nghệ, các mặt hàng tiêu dùng cho cư dân trên đảo và du khách;

- Trung tâm TD - TT: Đầu tư hoàn chỉnh trung tâm thể dục – thể thao của huyện đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện thân thể của nhân dân trong huyện.

- Khu dân cư: Cần quy hoạch chỉnh trang các khu dân cư lại cho phù hợp nhu cầu phát triển lâu dài của đảo.

2. Định hướng phát triển các khu vực còn lại

2.1. Khu vực đảo bé (xã An Bình): Đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đặc biệt là hạ tầng dân sinh (điện, đường, trường, trạm y tế...). Phát triển khai thác hải sản và nghiên cứu kết hợp nuôi trồng theo hình thức lồng, bè; kêu gọi đầu tư xây dựng đảo Bé thành một Trung tâm du lịch dịch vụ cao với đầy đủ các dịch vụ mang tầm vóc hiện đại.

2.2. Khu vực xã An Hải: Hướng phát triển chính là dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, dịch vụ hậu cần nghề cá, sửa chữa tàu thuyền, chế biến hải sản, chế biến hành tỏi, công nghiệp điện, xử lý rác thải, trồng hành tỏi...kết hợp với bố trí các công trình quốc phòng an ninh

2.3. Khu vực xã An Vĩnh: Hướng phát triển chính là thương mại, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ vận tải, hậu cần nghề cá, trồng hành, tỏi và các dịch vụ khác.

3. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2012 - 2020:

Sử dụng đất cần triệt để tiết kiệm, hợp lý, hạn chế những tác động xấu tới môi trường sinh thái.

Chuyển đổi, điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng quỹ đất thời gian qua nhằm mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao; bảo vệ, cải tạo và tăng độ phì nhiêu cho đất, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển ổn định, lâu dài cho địa bàn.

Tùy thuộc những đặc trưng tự nhiên để bố trí các ngành nghề kinh tế sao cho hợp lý; ưu tiên phát triển công nghiệp, TTCN, dịch vụ trên cơ sở sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ đất nông nghiệp, nhất là đất sản xuất nông nghiệp, đất cây hàng năm.

Đảm bảo quốc phòng an ninh, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tôn trọng phong tục, tập quán của các cộng đồng dân cư, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tổng diện tích đất quy hoạch đến năm 2020 là 1.032 ha, diện tích mặt nước xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên biển là 6.893 ha.

VII. Quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường:

1. Thu gom rác thải và xử lý chất thải

- Đến năm 2015: Tỷ lệ rác và các chất thải rắn được thu gom, xử lý bằng 2 hình thức. Riêng rác thải, trước mắt theo hình thức tận dụng chôn vùi lấp trũng ở khu vực có địa hình trũng. Chất thải rắn trong công nghiệp - xây dựng được thu gom về nơi tập trung xử lý bằng công nghệ thích hợp đạt khoảng 75 - 90%.

- Đến năm 2020 có 100% rác thải, chất thải rắn trong sản xuất và sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng công nghệ.

2. Trồng rừng và hệ thống cây xanh đô thị

- Phân đấu phủ xanh 100% diện tích đất lâm nghiệp (166ha). Từng bước có kế hoạch phục hồi rừng trên các đồi trọc của huyện với diện tích khoảng 130 ha

- Phân đấu trồng cây xanh theo các hình thức trong vườn, nơi công cộng, các trụ sở và đặc biệt là các tuyến đường trên đảo để tạo cảnh quan đẹp và góp phần làm trong sạch môi trường, giảm ô nhiễm.

3. Công tác quản lý Nhà nước về môi trường

- Phân đấu toàn huyện có 1 trạm quan trắc về môi trường; 100% xã, thị trấn và thị tứ có đội tự quản về vệ sinh môi trường; 100% hộ gia đình trong khu dân cư của huyện thực hiện nội quy, cam kết bảo vệ môi trường, tài nguyên.

- 70 - 80% cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện có đầu tư hệ thống xử lý cấp thoát nước, rác thải và chất thải rắn trước khi ra hệ thống chung trong khu vực.

- Tăng cường khâu giám sát, kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn điểm phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, hoá chất thải nguy hại. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cho toàn dân, cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên - môi trường phát triển bền vững.

VIII. Định hướng xây dựng huyện vững chắc về quốc phòng an ninh:

1. Quan điểm, mục tiêu:

- Huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang và nhân dân trên đảo trong việc bảo vệ biển, đảo, xây dựng lực lượng quốc phòng an ninh ngày càng vững mạnh. Xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, phối hợp chặt chẽ các lực lượng vũ trang với nhân dân, hình thành thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp với thế trận an ninh nhân dân để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa các lực lượng quản lý, bảo vệ biển đảo (hải quân, quân sự, biên phòng, công an, cảnh sát biển,...). Tăng cường đầu tư phương tiện và trang thiết bị cho các khu vực phòng thủ quan trọng trên đảo, bảo đảm tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu cao và chủ động đối phó trong mọi tình huống. Nâng cấp và xây dựng mới, hiện đại các công trình quốc phòng trên đảo, bảo đảm yêu cầu tác chiến nhanh trên biển như: sân bay, các công trình phòng thủ, các công trình kinh tế kết hợp với quốc phòng. Xây dựng đảo Lý Sơn thành “pháo đài tiên tiêu” để bảo vệ vùng biển, đảo, đồng thời kết hợp phát triển kinh tế.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế đảo với củng cố quốc phòng an ninh: việc bố trí các công trình kinh tế và dân cư trên đảo nhất thiết phải chú ý đến nhiệm vụ quốc phòng an ninh, sẵn sàng phối hợp, ứng cứu lẫn nhau trong các tình huống. Ngược lại các lực lượng vũ trang trên đảo, ngoài nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo cần đẩy mạnh phát triển sản xuất để sử dụng hiệu quả các phương tiện và cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có, đồng thời hỗ trợ và tạo điều kiện để các hoạt động kinh tế trên biển được thường xuyên, an toàn và hiệu quả.

- Thành lập, phát triển các nghiệp đoàn nghề cá, các mô hình khai thác đánh bắt dài ngày trên biển và vươn ra khơi xa để hỗ trợ phát triển kinh tế kết hợp với toàn dân bảo vệ chủ quyền biển đảo.

2. Nhiệm vụ giải pháp:

2.1. Đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng gắn với phát triển kinh tế:

- Đầu tư xây dựng cảng quân sự tại Lý Sơn bằng nguồn vốn của Bộ Quốc phòng.

- Sân bay: cải tạo, mở rộng sân bay dã chiến hiện nay với quy mô 30 ha để phục vụ cho việc đi lại của nhân dân và khách du lịch theo nhu cầu, kết hợp với nhu cầu của quốc phòng khi cần thiết.

- Đầu tư tiếp Tuyến đường cơ động xung quanh đảo bé có chiều dài 3 km, kết hợp kè chống sạt lở bờ biển;

- Các tuyến đê biển dài 5,4 km nhằm bảo vệ đảo khỏi bị xâm thực và là tuyến đường cơ động phục vụ cho phòng thủ trên đảo.

- Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc Bộ đội Biên phòng đảo Lý Sơn.

- Công trình phòng thủ của Bộ đội biên phòng.

- Các công trình phòng thủ quân sự theo quy hoạch của BCH tỉnh đội.

2.2. Xây dựng huyện Lý Sơn vững chắc về quốc phòng an ninh:

- Lực lượng vũ trang: Lực lượng thường trực, thường xuyên đạt 95% biên chế trở lên. Lực lượng dự bị động viên ổn định. Đăng ký quản lý được khoảng 300 tàu thuyền các loại và từ 10 – 15 xe tải có trọng tải 2,5 tấn/chiếc. - Lực lượng DQTV luôn giữ vững ổn định quân số đạt 1,5% so với dân số trong thời bình, khi chiến tranh xảy ra sẽ cao hơn.

-Thực hiện việc tuyên truyền sâu rộng trong toàn dân, toàn quân về truyền thống chống giặc ngoại xâm của ông cha ta, vận động toàn dân tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng và một lòng theo Đảng. - Xây dựng thể trận quân sự đến năm 2020 phải đạt 60% công trình chiến đấu tại huyện đảo được xây dựng. Dựa vào nguồn lực của địa phương, tranh thủ tối đa các nguồn lực của quốc phòng để tập trung đầu tư khu tập trung bí mật, các khu căn cứ hậu cần, kỹ thuật của huyện đảo.

-Thể trận lòng dân luôn được củng cố, quyền làm chủ của người dân được phát huy, tôn trọng và bảo vệ; nhân dân sẵn sàng đóng góp nhân – vật lực để phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Hệ thống chính trị luôn được củng cố vững vàng. Năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp được phát huy, triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng đem lại lợi ích cho nhân dân.

-Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; có nhiều chính sách đãi ngộ cho LLVT thực hiện nhiệm vụ trên đảo.

-Xây dựng huyện đảo Lý Sơn phát triển nhanh, bền vững về KT-XH, gắn với công tác đảm bảo an ninh – Quốc phòng; xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận biên phòng toàn dân tập trung vào các nội dung sau:

- Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với việc phát triển KT-XH nhất là trên các lĩnh vực hợp tác đầu tư, triển khai các dự án kinh tế, khai thác hải sản, nguồn tài nguyên sinh vật biển, phát triển du lịch, hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Qua đó, chủ động phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Củng cố, xây dựng vững mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tiếp tục phát huy, nhân rộng các mô hình phong trào hoạt động có hiệu quả, điển hình tiên tiến. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước; tham gia tích cực vào công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch và bọn tội phạm.

- Kiện toàn nâng cao sức chiến đấu, hiệu quả lãnh đạo, quản lý về quốc phòng an ninh của các tổ chức cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Quan tâm xây dựng lực lượng công an, quân sự, biên phòng trong sạch vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, quốc phòng trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện và đề xuất, xây dựng chính sách đặc thù đối với cán bộ, đảng viên và người dân sinh sống, công tác tại huyện Lý Sơn. Từng bước xây dựng

kiên cố cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện cho các lực lượng và hỗ trợ đời sống cho các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện.

IX. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Các giải pháp huy động vốn đầu tư

1.1. Nhu cầu vốn đầu tư:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư của huyện đảo Lý Sơn (theo giá HH) giai đoạn 2012-2015 khoảng 3.016 tỷ đồng; trong đó: Vốn ngân sách tỉnh và huyện: 54 tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương: 1.967 tỷ đồng, vốn ODA: 40 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và huy động trong dân: 945 tỷ đồng.

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư của huyện đảo Lý Sơn (theo giá HH) giai đoạn 2016-2020 khoảng 3.183 tỷ đồng; trong đó: Vốn ngân sách tỉnh và huyện: 138 tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương: 1.160 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và huy động trong dân: 1.885 tỷ đồng.

1.2. Giải pháp huy động:

Để triển khai thực hiện tốt chỉ đạo của đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng (nay là Chủ tịch nước) về xây dựng huyện đảo Lý Sơn mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng an ninh từ nay đến năm 2020, UBND tỉnh đề nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cho phép huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi được hưởng những cơ chế, chính sách ưu đãi, cụ thể như sau:

a) Cho phép áp dụng một số cơ chế chính sách ưu đãi tương tự như đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện tại quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 14/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế chính sách ưu đãi đối với đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận; cụ thể như sau:

a.1 Ngân sách Trung ương:

Ưu tiên bố trí vốn từ nguồn ngân sách trung ương (bao gồm: nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trái phiếu Chính phủ, Chương trình Biển Đông - Hải đảo và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác, tín dụng ưu đãi Chính phủ, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho tỉnh Quảng Ngãi để đầu tư cơ sở hạ tầng và giải quyết an sinh xã hội giai đoạn 2012-2020) thông qua các Bộ, cơ quan Trung ương hoặc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện đầu tư các dự án quan trọng trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng trên đảo Lý Sơn gồm:

- Tuyến cáp ngầm từ đất liền ra đảo;
- Cảng Bến Đình;
- Nâng cấp sân bay trực thăng tại đảo Lớn và đảo Bé;
- Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (5,4 km);
- Tuyến đường cơ động xung quanh đảo Bé, kết hợp kè chống sạt lở bờ biển (3km);
- Cảng quân sự đảo Lý Sơn;

- Các công trình phòng thủ và doanh trại của bộ đội và bộ đội biên phòng; doanh trại công an huyện;
- Nâng cấp, xây dựng mới các trục đường giao thông chính;
- Các dự án thăm dò, khai thác, phân phối và cấp nước sạch, dự án thoát nước, xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải, xử lý chất thải;
- Vũng neo đậu tàu thuyền tránh trú bão (giai đoạn II);
- Trung tâm thông tin nghề cá, Trung tâm kiểm ngư;
- Các dự án trồng rừng và bảo vệ môi trường;
- Nâng cấp bệnh viện quân dân y, Trung tâm y tế dự phòng;
- Các dự án đầu tư kiên cố hoá và xây dựng trường học phổ thông các cấp, xây dựng trung tâm dạy nghề huyện.

a.2. Ngân sách địa phương:

Ngân sách địa phương ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án quan trọng khác, gồm:

- Nâng cấp trạm y tế xã, xây dựng các công trình văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, các cơ quan hành chính, sự nghiệp;
- Các dự án nâng cấp, xây dựng mới các đường giao thông nhánh, đường giao thông nông thôn;
- Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp An Hải;
- Các dự án hỗ trợ chuyển giao và áp dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực: cấp điện, cấp nước, viễn thông, chế biến hải sản, bảo vệ nguồn lợi hải sản, xây dựng, giao thông, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

b) Một số cơ chế chính sách ưu đãi đối với đảo Lý Sơn trong đầu tư phát triển của đảo xa và có vị trí tiên tiêu của tỉnh và cả nước theo Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư đối với các thành phần kinh tế đầu tư vào đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi: áp dụng tương tự như đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện tại quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 14/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế chính sách ưu đãi đối với đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận:

d. Cho phép áp dụng một số cơ chế chính sách như đang áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực.

- Huyện tạo mọi điều kiện để thu hút, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn.
- Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại... để nhân dân có điều kiện nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Xây dựng chương trình giáo dục cho huyện để thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí. Đầu tư tương xứng cho giáo dục - đào tạo. Nâng tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo; xây dựng đề án việc làm, vấn đề trọng tâm của chính sách việc làm trong suốt thời kỳ quy hoạch là mở rộng nhanh chóng công ăn việc làm, phân bố lại lao động giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề trên địa bàn huyện, phối hợp với các trường, cơ sở dạy nghề trong và ngoài tỉnh đặc biệt là các trường Đại học và Cao đẳng với các hình thức đào tạo liên kết, tại chức, từ xa,... để đào tạo nghề cho lao động của huyện. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp làm ăn trên địa bàn huyện tự tổ chức đào tạo dài hạn nhân công lao động.

- Xây dựng và mở rộng thêm các trường, cơ sở đào tạo, mở rộng thêm các ngành nghề mới, chú ý đến đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy nghề, nhằm nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo đi đôi với việc liên kết, thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao về giảng dạy.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ.

- Coi trọng việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong công nghệ chế biến nông sản. Kết hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, các viện nghiên cứu để phát triển nghề trồng hành tỏi theo hướng hàng hóa và bền vững, tạo thương hiệu cho sản phẩm hành, tỏi của Lý Sơn trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

- Đào tạo lại đội ngũ lao động làm công tác khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực; đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ, có chính sách thích đáng để thu hút cán bộ KH-CN và công nhân giỏi về hợp tác nghiên cứu tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội huyện.

X. Tổ chức và điều hành thực hiện Quy hoạch:

- Triển khai quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ; nghiên cứu các quy hoạch chi tiết như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư tập trung...

- Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch. Cuối mỗi kỳ qui hoạch (năm 2015, năm 2020) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế; xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển theo từng thời kỳ theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2020.

Điều 2. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch

1. UBND huyện Lý Sơn là cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, có trách nhiệm:

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch này đến các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và

nhân dân trong huyện. Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án ưu tiên cho các nhà đầu tư. Huy động các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch. Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện từng giai đoạn và chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm thu hút, huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Xây dựng các kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án phát triển để tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu của Quy hoạch. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lập và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng,...trên địa bàn huyện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện, đảm bảo sự phát triển đồng bộ. Nghiên cứu đề xuất, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn.

2. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Lý Sơn trong việc nghiên cứu lập các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, kế hoạch trung và ngắn hạn, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhằm đạt được các mục tiêu của Quy hoạch. Hỗ trợ huyện trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và nhân dân trong huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIẢI ĐOẠN 2012 - 2020 HUYỆN LÝ SƠN
Kèm theo Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 31/8/2012
của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên dự án
I	Dự án đầu tư từ nguồn ngân sách TW
1	Vũng neo đậu tàu thuyền An Hải (Giai đoạn 2)
2	Tuyến cáp ngầm 110 KV từ đất liền ra đảo
3	Các tuyến đê huyện đảo Lý Sơn
4	Cảng bến đĩnh
5	Hồ chứa nước núi Giếng Tiên
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt đảo lớn
7	Nhà máy xử lý rác thải
8	Các dự án nâng cấp, xây dựng mới các trục đường giao thông chính
9	Các công trình phòng thủ trên đảo
10	Kè kết hợp đường cơ động quanh đảo bé
11	Khu bảo tồn biển
II	Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh
1	Các dự án nâng cấp, xây dựng mới các trục đường giao thông nhánh
2	Trồng rừng
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng Thị trấn
4	Cấp nước trung tâm huyện
5	Xây dựng mới trường tiểu học số 1 An Hải
6	Kiên cố hoá nâng cấp các trường - Trường tiểu học số 1 An Vĩnh - Trường tiểu học số 2 An Vĩnh - Trường tiểu học An Bình - Trường trung học cơ sở An Vĩnh - Trường trung học cơ sở An Hải - Trường cấp III Lý Sơn - Trường mầm non An Vĩnh – An Hải
7	Hạ tầng cụm công nghiệp An Hải
8	Trường dạy nghề
9	Phục dựng bộ xương cá ông